

Bản án số: 96/2017/DT-ST

Ngày 26/9/2017

“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT – TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Mâm.

Bà Nguyễn Thị Hồng Lâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khổng Thị Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà H’ Michan Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 538/2016/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2017/QĐXXST- DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2017/QĐST-DS ngày 08/9/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị L.

Trú tại: Đường N, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Bị đơn: 1. Ông Y L Adrong.

Trú tại: Buôn K, xã T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Ông Y T Niê, bà H W Ayun.

Trú tại: Buôn C, xã D, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

(Ông Y T Niê có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Y T Kpă.

Trú tại: Buôn T, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

(Ông Y T Kpă có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị L trình bày:

Ngày 29/4/2016, vợ chồng tôi có cho ông Y L Adrong và ông Y T Niê, bà H W Ayun vay số tiền là 230.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận hạn trả là ngày 09/5/2016, lãi suất theo thỏa thuận.

Nhưng đến hạn trả nợ và cho đến nay, mặc dù chúng tôi đã đòi nhiều lần, nhưng ông Y L Adrong và ông Y T Niê, bà H W Ayun vẫn không trả cho vợ

chồng tôi số tiền nợ trên. Nay chúng tôi yêu cầu ông Y L Adrong và ông Y T Niê, bà H W Ayun phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 230.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngày 24/8/2017, ông B, bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện. Ông B, bà L không yêu cầu bà H W Ayun (vợ ông Y T Niê) phải liên đới trả số tiền trên vì bà H W Ayun không vay và không liên quan đến số tiền vay. Ngoài ra, ông B, bà L không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn, ông Y L Adrong tại bản tự khai ngày 15/5/2017 trình bày:

Tôi và vợ chồng ông B, bà L có mối quan hệ quen biết nhau. Ngày 29/4/2016, tôi và vợ chồng ông Y T Niê, bà H W Ayun có gặp và vay vợ chồng ông B, bà L số tiền là 230.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận hạn trả là ngày 09/5/2016, lãi suất theo thỏa thuận.

Sau khi vay, ông Y T Niê đã trả được cho ông B, bà L 30.000.000 đồng. Nhưng khi trả không viết giấy tờ nên nay ông Y L không có chứng cứ gì để chứng minh.

Do vậy, ông Y L đồng ý cùng với ông Y T Niê, bà H W Ayun trả cho ông B, bà L số tiền là 230.000.000 đồng gốc và lãi phát sinh.

- Bị đơn, ông Y T Niê tại bản tự khai ngày 26/7/2017 trình bày:

Ngày 29/4/2016, tôi và ông Y L Adrong vay vợ chồng ông B, bà L số tiền là 230.000.000 đồng. Khi vay hai bên có viết giấy vay tiền và hạn trả là ngày 09/5/2016, lãi suất theo thỏa thuận.

Sau khi vay khoảng 2 tuần, tôi có trả cho ông B, bà L 3.000.000 đồng. Cũng trong tuần đó, tôi đưa cho ông Y L 20.000.000 đồng để trả cho ông B, bà L. Tiếp đến 01 tuần sau, tôi nhờ anh Y T Kpă trả cho ông B, bà L 20.000.000 đồng. Khoảng 1 tháng sau, tôi đưa trực tiếp cho ông B, bà L 10.000.000 đồng. Như vậy, tổng cộng tôi đã trả và nhờ trả cho ông B, bà L số tiền là 53.000.000 đồng.

Tuy nhiên, khi tôi trả và nhờ trả, chúng tôi không viết tờ nên nay tôi không có chứng cứ gì để chứng minh.

Do vậy, nay tôi đồng ý cùng với ông Y L trả cho ông B, bà L số tiền nợ gốc là 230.000.000 đồng và lãi phát sinh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Y T Kpă trình bày:

Vào khoảng tháng 6, tháng 7 năm 2016, ông Y T Niê có nhờ tôi trả giùm cho ông B, bà L 20.000.000 đồng. Sau khi Y T nhờ, tôi đã đến gặp ông B, bà L và trả cho ông B, bà L 20.000.000 đồng.

Tuy nhiên, khi tôi trả tiền, chúng tôi không viết tờ nên nay tôi không có chứng cứ gì để chứng minh.

- Tại biên bản làm việc ngày 24/8/2017, biên bản không đối chất được ngày 18/8/2017 và tại phiên tòa, vợ chồng ông B, bà L không thừa nhận lời trình bày của ông Y L, ông Y T và ông Y T Kpă về việc trả tiền cho vợ chồng ông B, bà L. Ông Y L, ông Y T và ông Y T Kpă không trả cho vợ chồng tôi số tiền nào cả. Vợ chồng tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu và ý kiến của mình.

- Tòa án quyết định đối chất để làm rõ những nội dung mâu thuẫn và quan hệ vay mượn tiền giữa các đương sự nhưng ông Y L, bà H W đã cố tình trốn

tránh, không tham gia đối chất; ông Y T và ông Y T Kpă đã có đơn xin giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt vì vậy việc đối chất không tiến hành được.

- Quá trình giải quyết vụ án, ông Y L, bà H W mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng ông Y L, bà H W cố tình trốn tránh, vắng mặt nên Tòa án phải tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt ông Y L, bà H W theo quy định của pháp luật. Ông Y T và ông Y T Kpă đã có đơn xin giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và 71 của BLTTDS; bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã không chấp hành tốt về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cố tình trốn tránh, vắng mặt nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Y L Adrong và ông Y T Niê phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông B, bà L toàn bộ số tiền nợ gốc 230.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về “Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, ông Y L và bà H W Ayun mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng giải quyết vụ án, nhưng cố tình trốn tránh, vắng mặt nên Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng vắng mặt ông Y L và H W Ayun theo quy định của pháp luật. Ông Y T và ông Y T Kpă đã có đơn xin giải quyết vụ án và xét xử vắng mặt.

Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, HĐXX thấy: Việc vay tiền giữa ông Y L Adrong và ông Y T Niê và ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị L là có thật. Được thể hiện bằng giấy mượn vay tiền ngày 29/4/2016 và sự thừa nhận của các bên. Theo giấy vay mượn tiền, số tiền vay là 230.000.000 đồng, hạn trả nợ ngày

09/5/2016, mục đích vay là trả nợ ngân hàng nhưng không xác định trả nợ của ai. Về lãi suất, các bên không thỏa thuận trong giấy vay tiền mà chỉ thỏa thuận bên ngoài với nhau. Bà H W Ayun không vay và không liên quan đến số tiền vay này.

Ông Y L cho rằng, sau khi vay, ông Y T đã trả được cho ông B, bà L 30.000.000 đồng; ông Y T cho rằng mình đã trực tiếp trả và nhờ Y L, Y T trả tiền cho ông B, bà L, tổng số tiền đã trả là 53.000.000 đồng; ông Y T cho rằng ông Y T có nhờ ông Y T trả giùm cho ông B, bà L 20.000.000 đồng. Tuy nhiên, những lời trình bày này đều không có chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh và ông B, bà L cũng không thừa nhận những lời trình bày của ông Y L, ông Y T và ông Y T là đúng sự thật, nên không cơ sở, căn cứ để chấp nhận. Như vậy, hiện nay ông Y L, ông Y T còn nợ vợ chồng ông B, bà L số tiền nợ gốc là 230.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh.

Việc không thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn của ông Y L và ông Y T cho vợ chồng ông B, bà L là đã vi phạm quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự 2005. Vì vậy, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông B, bà L, cũng như đảm bảo sự công bằng và làm lành mạnh hóa các giao dịch dân sự trong đời sống xã hội, xét yêu cầu ông B, bà L buộc ông Y L và ông Y T phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi phát sinh từ ngày vay đến nay, cùng sự đồng ý của ông Y L và ông Y T về việc trả toàn bộ số nợ cho ông B, bà L là phù hợp với quy định tại Điều 471, Điều 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005, cần chấp nhận.

- Về lãi suất: Trong giấy vay tiền ngày 29/4/2016 các bên không thỏa thuận lãi suất. Nay ông B, bà L có yêu cầu nên lãi suất được tính theo quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 và Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam, là 9.0%/năm (0.75%/tháng). Số tiền lãi tính đến ngày 26/9/2017 là:

$230.000.000 \text{ đồng} \times 0.75\%/\text{tháng} \times 16 \text{ tháng} 27 \text{ ngày} = 29.152.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng, ông Y L Adrong và ông Y T Niê phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị L số tiền nợ là 259.152.000 đồng, trong đó nợ gốc 230.000.000 đồng, tiền lãi 29.152.000 đồng.

Ông Y L Adrong và ông Y T Niê cùng vay số tiền gốc 230.000.000 và không xác định số tiền vay của mỗi người là bao nhiêu trong số tiền này. Vì vậy, ông Y L và ông Y T mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho ông B, bà L $\frac{1}{2}$ số tiền nợ. Cụ thể: Ông Y L phải trả 115.000.000 đồng tiền gốc và 14.576.000 đồng tiền lãi; ông Y T phải trả 115.000.000 đồng tiền gốc và 14.576.000 đồng tiền lãi.

- Đối với bà H W Ayun, ông B và bà L không yêu cầu bà H W Ayun phải liên đới trả số tiền trên vì bà H W Ayun không vay và không liên quan đến số tiền vay.

[4] Về án phí: Áp dụng Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Ông B và ông Y L Adrong và ông Y T Niê phải chịu 12.957.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng theo biên lai thu số

AA/2014/0041001 ngày 07/11/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 144; Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

- Căn cứ khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị L. Buộc ông Y L Adrong và ông Y T Niê phải có nghĩa vụ liên đới theo phần trả cho ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị L tổng số tiền nợ là 259.152.000 đồng, trong đó nợ gốc 230.000.000 đồng, tiền lãi 29.152.000 đồng.

Cụ thể: Ông Y L phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ trên là 115.000.000 đồng tiền gốc và 14.576.000 đồng tiền lãi. Ông Y T phải trả $\frac{1}{2}$ số tiền nợ trên là 115.000.000 đồng tiền gốc và 14.576.000 đồng tiền lãi.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án khi người được thi hành án có đơn yêu cầu.

- Đối với bà H W Ayun không có nghĩa vụ phải trả số tiền nợ trên.

2. Về án phí: Ông Y L Adrong phải chịu 6.478.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông Y T Niê phải chịu 6.478.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng B, bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.750.000 đồng theo biên lai thu số AA/2014/0041001 ngày 07/11/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh, Tp. B;
- THADS Tp. B;
- Dương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đình Hải

